

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày 20-11-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”
giữa Ngân hàng V và anh Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hạnh

Bà Đặng Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định.

Kiểm sát sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Phạm Tuấn A- Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng S và cá nhân (theo bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02-3-2018).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn A: Anh Vũ Xuân Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V (theo bản ủy quyền số 1006/2019/UQ-VPB ngày 21-02-2019).

Địa chỉ: Văn phòng V, tầng, V - số L, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng*: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Anh Đ có mặt; anh Q và chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-3-2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, anh Vũ Xuân Đ trình bày: Ngày 15-9-2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V) ký hợp đồng tín dụng số LD1628500823 thông qua văn bản: Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn với anh Nguyễn Văn Q, hợp đồng có các nội dung cụ thể sau:

Ngân hàng V cho anh Nguyễn Văn Q vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); thời hạn vay 42 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 11-10-2016 đến ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 11-4-2020; lãi suất 24% năm; mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng; cơ chế điều chỉnh lãi xuất: Mức lãi xuất cho vay trong hạn được điều chỉnh lãi xuất; các kỳ trả nợ tiền gốc và tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 11, kỳ nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 11-11-2016.

- Thực hiện Hợp đồng tín dụng: Ngày 11-10-2016, Ngân hàng V đã trực tiếp giải ngân 200.000.000 đồng thông qua số tài khoản 108879874 của anh Nguyễn Văn Q mở tại Ngân hàng V Nam Định. Anh Q đã nhận tiền, sử dụng vào mục đích gì thì Ngân hàng V không biết. Từ 11-10-2016 đến 31-10-2017 anh Q đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cụ thể như sau:

+ Trả nợ gốc là: 44,861.817 đồng;

+ Trả nợ lãi là: 59.903.425 đồng (trong đó lãi trong hạn là 45.022.385 đồng; lãi quá hạn là: 14.881.040 đồng);

+ Trả tiền phạt chậm trả là: 5.305.550 đồng.

Tổng số tiền đã trả (gốc + lãi + phạt chậm trả) là 110.070.792 đồng (một trăm mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng)

Từ ngày 11-12-2017 anh Nguyễn Văn Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, căn cứ theo nội dung của hợp đồng tín dụng thì khoản vay của anh Q đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Về khoản nợ và yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay. Rất nhiều lần bên phía Ngân hàng V đến làm việc trực tiếp, thông báo đến anh Q Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn Q đều không làm việc, không hợp tác với phía ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó, Ngân hàng V đã khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu anh Q phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phải trả theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 24-6-2019 cụ thể là:

+ Nợ gốc: 155,138.183 đồng;

+ Nợ lãi: 77,674.136 đồng; (trong đó lãi trong hạn là 6.222.933 đồng; lãi quá hạn là: 71.451.803 đồng)

+ Phạt chậm trả lãi là 20.201.627 đồng.

Tổng số tiền (nợ gốc + nợ lãi + phạt chậm trả) là 253.013.946 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Đồng thời tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh Q thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng V. Trường hợp anh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26-7-2019, trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 15-9-2016 anh có ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP V chi nhánh tại Nam Định với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để lắp đặt thiết bị trong gia đình, thời hạn vay 42 tháng, lãi xuất 24%/năm, phương thức thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi hằng tháng theo hợp đồng như Ngân hàng trình bày trên là đúng.

Sau khi ký hợp ngày 11-10-2016 Ngân hàng đã giải ngân chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 1088.798.874 của anh mở tại Ngân hàng V. Anh đã nhận số tiền trên và chuyển ngay cho chị Vũ Thị N, sinh năm 1985, cư trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định vay, chị N đã nhận 200 triệu đồng (hai trăm nghìn đồng) và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hằng tháng trả nợ cho Ngân hàng V như hợp đồng anh đã ký trên. Khi Ngân hàng V thông báo cho anh về số tiền hằng tháng đến hạn phải trả sắp xỉ 7.200.000 đồng (cả nợ gốc và lãi bằng hình thức gọi điện hoặc về nhà thông báo) anh đều nhận được và anh đến ngay nhà ông T báo cho chị N biết để chị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh.

Tháng 6 năm 2019 anh nhận được tài liệu do Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ khi ký hợp đồng vay tín dụng ngày 11/10/2016 tạm tính đến hết ngày 24/6/2019 với tổng số tiền (nợ gốc 155,138.183 đồng + nợ lãi 77,674.136 đồng + phạt chậm trả 20.202.627 đồng) là 253.013.946 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, chín trăm bốn mươi sáu đồng), thì anh với biết từ 11/10/2016 đến 31-10-2017 chị N mới trả cho Ngân hàng số tiền anh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cụ thể: Trả nợ gốc là: 44,861.817 đồng; trả nợ lãi là: 59.903.425 đồng và trả tiền phạt chậm trả là: 5.305.550 đồng. Tổng số tiền đã trả (gốc + lãi + phạt chậm trả) là 110.070.792 đồng (một trăm mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng) thông qua tài khoản của anh đúng như tài liệu Ngân hàng cung cấp.

Nay Anh đề nghị Tòa án đưa chị Vũ Thị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, buộc chị N có trách nhiệm trả nợ cho Ngân Hàng V số tiền trên để bảo vệ quyền lợi cho anh. Trường

hợp chị N từ chối không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thì anh sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trên. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, anh làm nghề tự do (thợ xây), thu nhập thấp không ổn định, nên anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ. Anh hẹn vào ngày 02-8-2019 sẽ thanh toán trước cho Ngân hàng V 30 triệu đồng, số tiền còn lại hằng tháng anh sẽ trả cho Ngân hàng 10 triệu đồng đến khi hết số tiền nợ gốc trên. Đối với số tiền nợ lãi và số tiền phạt chậm trả lãi đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm cho anh, nếu không thực hiện đúng cam kết anh xin chịu trách nhiệm trước Ngân hàng và pháp luật. Đồng thời anh đề nghị không đưa chị Trần Thị T (vợ anh) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì anh ký hợp đồng vay với Ngân hàng V chị T không biết và anh cũng không sử dụng vốn vay vào việc mua sắm lắp đặt gì cho gia đình.

Bản tự khai ngày 06/8/2019 chị Vũ Thị N trình bày: Ngày 15-9-2016 anh Nguyễn Văn Q đứng ra ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng TMCP V có nội dung như Ngân hàng và anh Q trình bày là đúng. Sau khi ký hợp đồng ngày 11-10-2016 Ngân hàng đã giải ngân vào số tài khoản của anh Q với số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), anh Q rút tiền và trực tiếp đưa cho chị 200 (hai trăm) triệu đồng, hằng tháng chị đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V thay cho anh Q thông qua số tài khoản 1088.798.874 của anh Q mở tại Ngân hàng V với tổng số tiền đã trả nợ gốc, nợ lãi và trả tiền phạt chậm trả là 110.070.792 đồng (một trăm mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng) như Ngân hàng cung cấp là đúng. Khi nhận tiền của anh Q chị sử dụng vào việc kinh doanh nhưng do làm ăn thua lỗ nên chị đã không có khả năng tiếp tục thanh toán khoản nợ thay cho anh Q được. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc anh Q phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn lại và lãi phải trả do vi phạm hợp đồng cho Ngân hàng là việc của anh Q với Ngân Hàng, chị từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vào ngày 25 hằng tháng kể từ tháng 8/2019 chị sẽ có trách nhiệm trả cho anh Q 30 triệu đồng để anh Q thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện Ngân hàng V ông Vũ Xuân Đ trình bày:

Sau khi có Quyết định đưa vụ, ngày 24-9-2019 anh Nguyễn Văn Q tiếp tục thực hiện hợp đồng trả cho Ngân hàng 9.890.082 đồng tiền gốc và 1.248 đồng tiền lãi. Như vậy, tổng số tiền anh Q đã trả cho Ngân hàng gồm: Nợ gốc 54,751.899 đồng; Nợ lãi 59.904.673 đồng và phạt chậm trả 5.305.550 đồng. Tổng số tiền đã trả là 119.962.122 đồng (một trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm hai mươi hai đồng).

Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu anh Q phải trả lãi chậm trả do anh Q vi phạm hợp đồng. Số tiền 5.305.550 đồng anh Q đã thanh toán phạt chậm trả lãi được đối trừ vào tiền lãi anh Q phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 20-11-2019 là 95.259.859 đồng (100.565.409 đồng nợ lãi - 5.305.550 đồng lãi chậm trả đã thanh toán).

Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng ngày 15-9-2016 tính đến hết ngày 20-11-2019 là 240.507.960 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm linh bảy ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) (trong đó nợ gốc: 145,248.101 đồng và nợ lãi: 95.259.859 đồng);

Tiếp tục tính lãi đến ngày anh Q thực tế trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ;

Không chấp nhận đề nghị về việc chuyển nghĩa trả nợ Ngân hàng của anh Nguyễn Văn Q sang cho chị Vũ Thị N và không đề nghị Tòa án đưa chị Trần Thị T vợ anh quý vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Xác định đây vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”;

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn (anh Q) và người tham gia tố tụng khác vắng mặt đã được Tòa án thông đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng, đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 290, 305, 471, 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 xử:

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải trả tiền phạt chậm trả lãi do vi phạm hợp đồng. Buộc anh Nguyễn Văn Q phải trả cho Ngân hàng V tổng dư nợ gốc và lãi còn phải trả là: 240.507.960 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm linh bảy ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) do anh Q vi phạm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Nam Trực.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ hai lần thông qua gia đình và niêm yết theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Q vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1628500823 thông qua văn bản giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn với anh Nguyễn Văn Q đã ký ngày 15-9-2016 theo đó:

Ngày 11-10-2016 Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ giải ngân vào tài khoản số 108879874 của anh Nguyễn Văn Q với số tiền vay 200 (hai trăm) triệu đồng. Anh Q đã nhận đủ tiền nhưng từ ngày 11-10-2016 đến ngày 31-11-2017 anh Q mới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho Ngân hàng số tiền gốc là: 44,861.817 đồng; tiền lãi trong hạn là 45.022.385 đồng; tiền lãi quá hạn là: 14.881.040 đồng và tiền phạt chậm trả là: 5.305.550 đồng. Tổng số tiền anh Q đã trả là 110.070.792 đồng (một trăm mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm chín mươi hai đồng).

Quá trình tố tụng tại tòa án anh Q thừa nhận đã ký kết, nhận tiền, thực hiện và vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng như Ngân hàng V trình bày là đúng. Do hoàn cảnh khó khăn anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ; ngày 02-8-2019 anh xin trả trước cho Ngân hàng V 30 triệu đồng, sau đó hằng tháng anh sẽ trả cho Ngân hàng 10 triệu đồng đến khi hết số tiền nợ gốc và đề nghị Ngân hàng xem xét miễn, giảm cho anh số tiền nợ lãi và tiền phạt chậm trả lãi, nhưng anh không thực hiện. Đến ngày 24-9-2019 anh Nguyễn Văn Q tiếp tục thực hiện hợp đồng trả cho Ngân hàng 9.890.082 đồng tiền gốc và 1.248 đồng tiền lãi. Như vậy tổng số tiền anh Q đã trả cho Ngân hàng là 119.962.122 đồng (một trăm mười chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm hai mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc 54,751.899 đồng; nợ lãi (trong hạn và quá hạn) 59.904.673 đồng và phạt chậm trả 5.305.550 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi do vi phạm hợp đồng. Đối với số tiền 5.305.550 đồng phạt chậm trả anh Q đã thanh toán cho Ngân hàng được trừ vào tiền lãi còn phải trả theo hợp đồng. Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng từ ngày 15-9-2016 tính đến hết ngày 20-11-2019 là 240.507.960 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm linh bảy ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) (trong đó nợ gốc: 145,248.101 đồng và nợ lãi trong hạn và quá hạn: 95.259.859 đồng);

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng số LD1628500823 ngày 15-9-2016 giữa Ngân hàng V với anh Nguyễn Văn Q được hai bên thống nhất thỏa thuận, tự nguyện ký kết, các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 11-10-2019 Ngân hàng V thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, đã giải ngân vào tài khoản của anh Nguyễn Văn Q số tiền 200 (hai trăm) triệu đồng theo khế ước nhận nợ. Anh Nguyễn Văn Q đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đến làm việc trực tiếp, thông báo cho anh Q về khoản nợ và yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay, anh Q đều không làm việc, không hợp tác. Như vậy, anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo nội dung của hợp đồng tín dụng, thì khoản vay của anh Q đã chuyển sang nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn là 150% mức lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc và nợ lãi phải trả theo hợp đồng tín dụng ngày 15-9-2016 tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (20-11-2019) tổng số tiền 240.507.960 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm linh bảy ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) (trong đó: nợ gốc là 145.248.101 đồng; nợ lãi trong hạn là 6.222.933 đồng và lãi quá hạn là 89.036.926 đồng) là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q không phải thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi do vi phạm hợp đồng, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Kể từ ngày 21-11-2019 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm), anh Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3.2 Về các yêu cầu khác của các đương sự:

Đối với yêu cầu của bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q đề nghị không đưa chị Trần Thị T (vợ anh) vào tham gia tố tụng, do anh ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V chị T không biết và anh không sử dụng vốn vay vào việc mua sắm trang thiết bị cho gia đình, có người làm chứng nên yêu cầu này của anh Q được chấp nhận.

Về đề nghị của anh Q chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho chị Vũ Thị N theo hợp đồng tín dụng anh đã ký với ngân hàng V. Hội đồng xét xử thấy: giữa chị Vũ Thị N với Ngân hàng không có bất cứ giao dịch dân sự nào liên quan đến hợp đồng tín dụng số LD1628500823 mà anh Q đã ký với Ngân hàng V, hơn nữa Ngân hàng không đồng ý anh Q chuyển nghĩa vụ trả nợ cho chị Vũ Thị N và chị N cũng từ chối tham gia tố tụng, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị này của anh Q. Việc anh Nguyễn Văn Q vay tiền của Ngân hàng đưa cho chị Vũ Thị N vay lại được xác định là giao dịch dân sự khác. Nên, nếu chị N không trả tiền

cho anh Q, thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là. $240.507.960 \text{ đồng} \times 5\% = 12.025.398 \text{ đồng}$ (mười hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được chấp nhận nên Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cần trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào các Điều 280, 290, 305, 471, 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với anh Nguyễn Văn Q.

Buộc anh Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền gồm: 145,248.101 đồng nợ gốc; 6.222.933 đồng nợ lãi trong hạn và 89.036.926 đồng lãi quá hạn. Tổng cộng là 240.507.960 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm linh bảy ngàn, chín trăm sáu mươi đồng) tính đến hết ngày 20-11-2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 12.025.398 đồng (mười hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng).

Tuyên trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 4.700.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002266 ngày 07-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và anh Nguyễn Văn Quý có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ánh